

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số ~~10809~~ BTC-QLCSV/v kinh phí nhập, duyệt, chuẩn
hóa dữ liệu về tài sản nhà nước

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2012

Kính gửi: - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
cơ quan khác ở Trung ương
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008, Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; để tạo điều kiện cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương có dữ liệu về tài sản nhà nước phục vụ báo cáo Chính phủ, báo cáo Quốc hội hàng năm, đảm bảo quản lý thống nhất, hiệu quả, tiết kiệm; Bộ Tài chính đã xây dựng và đưa vào áp dụng Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước trên phạm vi cả nước theo Quyết định số 411/QĐ-BTC ngày 02/3/2009. Việc đưa vào vận hành Phần mềm này để hình thành Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước (CSDL) theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP phục vụ công tác phân tích, báo cáo, dự báo và quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và là một bước trong công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công nhằm tăng cường quản lý, đơn giản hoá và giảm bớt thủ tục trong công tác đăng ký, kê khai và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Ngày 31/8/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 123/2011/TT-BTC hướng dẫn quản lý, khai thác Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước. Tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này quy định về kinh phí đảm bảo cho việc quản lý, khai thác Phần mềm. Theo đó, kinh phí cho việc nhập, duyệt dữ liệu trong Phần mềm được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Mức chi cho việc nhập, duyệt, chuẩn hóa dữ liệu về tài sản nhà nước do đơn vị thực hiện tối đa là 50% mức chi nhập dữ liệu theo quy định tại khoản 1 Mục II Phần II Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Để có cơ sở cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương lập dự toán, quản lý và sử dụng khoản kinh phí này, Bộ Tài chính có ý kiến về việc thực hiện như sau:

1. Về đối tượng được sử dụng nguồn kinh phí: Là các cán bộ, công chức, viên chức được giao trực tiếp nhập, duyệt, chuẩn hoá dữ liệu trong trường hợp đơn vị tự bố trí được nhân lực. Trường hợp đơn vị không tự bố trí được

nhân lực thì đối tượng được chi là các cá nhân, tổ chức bên ngoài được thuê để nhập, duyệt, chuẩn hoá dữ liệu.

2. Về nội dung chi: Chi cho cá nhân, tổ chức được thuê để nhập, duyệt, chuẩn hoá dữ liệu hoặc cán bộ trực tiếp rà soát, kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo từ đơn vị sử dụng tài sản nhà nước, đi kiểm tra thực tế để nhập, duyệt, chuẩn hoá dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước tại cơ quan được giao quản lý việc báo cáo kê khai tài sản nhà nước.

3. Về mức chi: Được xác định theo từng nội dung công việc từ định danh mã nhập tài sản, duyệt tài sản, chuẩn hóa dữ liệu trên cơ sở số trường tối đa phải nhập của mỗi bản ghi. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Mục II Phần II của Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử quy định mức chi tối đa 250 đồng/01 trường thông tin. Mức chi của mỗi bản ghi được tính là số trường thông tin nhân với 250 đồng/1 trường. Cụ thể đối với Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước như sau:

3.1. Trường hợp đơn vị thuê cá nhân, tổ chức khác nhập, duyệt, chuẩn hoá dữ liệu thì mức chi tối đa như sau:

a. Mức chi cho việc định danh mã:

+ Mức chi cho việc định danh mã đăng ký tài sản (ĐKTS) mới (chuyên mã hoặc thêm mới): gồm 07 trường thông tin, đơn giá: 1.750 đồng/01 đơn vị.

+ Mức chi cho việc chuẩn hoá mã ĐKTS đã định danh: gồm 07 trường thông tin, đơn giá: 1.750 đồng/01 đơn vị.

b. Mức chi cho việc nhập tăng mới một tài sản

- Đối với các tài sản phát sinh trước ngày 01/01/2009, nhập dữ liệu ở chức năng “Nhập số dư đầu kỳ”, cách tính cụ thể như sau:

+ Nhập số dư đầu kỳ cho tài sản là đất: gồm 21 trường thông tin, đơn giá: 5.250 đồng/01 bản ghi tài sản.

+ Nhập số dư đầu kỳ cho tài sản là nhà: gồm 18 trường thông tin, đơn giá: 4.500 đồng/01 bản ghi tài sản.

Trường hợp nhập số dư đầu kỳ cho tài sản là nhà nhưng không phải nhập đất (nhà nằm trên đất do đơn vị khác quản lý và đã được đơn vị quản lý đứng ra kê khai): gồm 26 trường thông tin, đơn giá 6.500 đồng/01 bản ghi tài sản.

+ Nhập số dư đầu kỳ cho tài sản là ô tô: gồm 13 trường thông tin, đơn giá: 3.250 đồng/01 bản ghi tài sản.

+ Nhập số dư đầu kỳ cho tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản: gồm 14 trường thông tin, đơn giá: 3.500 đồng/01 bản ghi tài sản.

- Đối với các tài sản nhập phát sinh sau từ ngày 01/01/2009, nhập dữ liệu ở chức năng “Tăng giảm hàng năm”, cách tính cụ thể như sau:

+ Nhập tăng mới tài sản là trụ sở làm việc (gồm cả đất và nhà): gồm 42 trường thông tin, đơn giá 10.500 đồng/01 bản ghi tài sản.

+ Nhập tăng mới tài sản là đất: gồm 23 trường thông tin, đơn giá: 5.750 đồng/01 bản ghi tài sản.

+ Nhập tăng mới tài sản là nhà: gồm 21 trường thông tin, đơn giá: 5.250 đồng/01 bản ghi tài sản.

+ Nhập tăng mới tài sản là ô tô: gồm 15 trường thông tin, đơn giá: 3.750 đồng/01 bản ghi tài sản.

+ Nhập tăng mới tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản: gồm 16 trường thông tin, đơn giá: 4.000 đồng/01 bản ghi tài sản.

c. Mức chi cho việc nhập biến động tài sản: Đối với mỗi loại tài sản có 04 loại biến động: tăng nguyên giá, giảm nguyên giá, thay đổi hiện trạng, giảm số lượng tài sản.

- *Biến động tăng nguyên giá:*

+ Đối với tài sản là đất: gồm 12 trường thông tin, đơn giá: 3.000 đồng/01 bản ghi tài sản;

+ Đối với tài sản là nhà: gồm 15 trường thông tin, đơn giá: 3.750 đồng/01 bản ghi tài sản;

+ Đối với tài sản là ô tô và tài sản khác gồm: 06 trường thông tin, đơn giá 1.500 đồng/01 bản ghi tài sản.

- *Biến động giảm nguyên giá:*

+ Đối với tài sản là đất: (i) trường hợp giảm nguyên giá do giảm giá đất: gồm 04 trường thông tin, đơn giá 1.000 đồng/01 bản ghi tài sản; (ii) trường hợp giảm nguyên giá do giảm diện tích đất gồm 12 trường thông tin, đơn giá 3.000 đồng/01 bản ghi tài sản;

+ Đối với tài sản là nhà: (i) trường hợp giảm nguyên giá do đánh giá lại nguyên giá: gồm 06 trường thông tin, đơn giá 1.500 đồng/01 bản ghi tài sản; (iii) trường hợp giảm nguyên giá nhà do cải tạo, thu hẹp diện tích: gồm 15 trường thông tin, đơn giá 3.750 đồng/01 bản ghi tài sản;

+ Đối với tài sản là ô tô và tài sản khác gồm 06 trường thông tin, đơn giá 1.500 đồng/01 bản ghi tài sản.

- *Biến động thay đổi hiện trạng sử dụng:*

+ Đối với tài sản là đất: gồm 19 trường thông tin, đơn giá 4.750 đồng/01 bản ghi tài sản;

+ Đối với tài sản là nhà: gồm 12 trường thông tin, đơn giá 3.000 đồng/01 bản ghi tài sản;

+ Đối với tài sản là ô tô: gồm 05 trường thông tin, đơn giá 1.250 đồng/01 bản ghi tài sản;

+ Đối với tài sản khác gồm: 08 trường thông tin, đơn giá 2.000 đồng/01 bản ghi tài sản.

- *Biến động giảm số lượng tài sản:*

+ Giảm số lượng cho tài sản là đất: gồm 04 trường thông tin, đơn giá 1.000 đồng/01 bản ghi tài sản;

+ Giảm số lượng cho tài sản là nhà: gồm 06 trường thông tin, đơn giá 1.500 đồng/01 bản ghi tài sản;

+ Giảm số lượng cho xe ô tô và tài sản khác: gồm 04 trường thông tin, đơn giá 1.000 đồng/01 bản ghi tài sản.

d. Mức chi cho việc duyệt 01 tài sản: gồm 06 trường thông tin, đơn giá 1.500 đồng/01 bản ghi tài sản được duyệt.

e. Mức chi cho việc từ chối 01 tài sản: gồm 07 trường thông tin, đơn giá 1.750 đồng/01 bản ghi tài sản bị từ chối.

f. Mức chi cho việc chuẩn hoá dữ liệu tài sản: tài sản được chuẩn hoá phải thực hiện theo 03 bước gồm từ chối tài sản đã duyệt, sửa thông tin sai, duyệt lại tài sản vào CSDL. Do đó, mức chi của việc chuẩn hoá dữ liệu sẽ được bằng tổng mức chi cho việc từ chối tài sản, sửa thông tin tài sản (sửa thông tin tài sản được tính tối đa bằng 15% mức chi tạo lập thông tin nhập mới 01 tài sản tương ứng theo quy định tại khoản 4, Mục II, Phần II của Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007), duyệt tài sản.

3.2 Trường hợp các đơn vị tự bố trí được cán bộ nhập, duyệt, chuẩn hoá dữ liệu vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản: Mức chi tối đa là 50% mức chi cho từng nội dung công việc trên. Cán bộ được giao nhập, duyệt, chuẩn hoá dữ liệu đã được thanh toán theo quy định này thì không thanh toán tiền làm đêm, làm thêm giờ đối với các nội dung công việc tương ứng.

Trường hợp phải đi kiểm tra thực tế để nhập, duyệt, chuẩn hoá dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước thì cán bộ đi công tác được thanh toán công tác phí theo chế độ hiện hành.

(Phụ lục về cách đếm trường thông tin để làm căn cứ tính chi phí định kèm)

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản), điện thoại: 04 2220 2828 (máy lẻ: 8176, 8177) để phối hợp xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Tin học và TKTC;
- Các Vụ: PC, HCSN, KHTC;
- Lưu: VT, QLCS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hữu Chí

PHU LUC 01

Bảng chi tiết các trường thông tin làm căn cứ tính chi phí cho việc nhập, duyệt, chuẩn hoá dữ liệu trong CSDL quốc gia về TSNN

STT	Loại nghiệp vụ	Tổng số trường thông tin	Cách đếm trường thông tin theo loại nghiệp vụ
a) Định danh mã đăng ký tài sản (ĐKTS)			
1	Chuyển mã, Thêm mới mã ĐKTS cho 01 đơn vị có QHNS	07	Mã/tên đơn vị, mã mới, tên đơn vị, địa chỉ, thuộc loại, thuộc khối, loại hình đơn vị
2	Chuẩn hoá mã ĐKTS đã định danh trong Phần mềm	07	Mã DVQHNS, mã đơn vị, tên đơn vị, địa chỉ, thuộc loại, thuộc khối, loại hình đơn vị
b) Nhập số dư đầu kỳ			
1	Nhập số dư đầu kỳ cho 01 tài sản là đất	21	Mã/tên đơn vị, Tên trụ sở, loại tài sản, thuộc quốc gia, tỉnh/ thành phố, quận/ huyện, xã/ phường, số nhà, diện tích khuôn viên, giá trị, diện tích làm trụ sở làm việc, cơ sở HĐSN, làm nhà ở, cho thuê, bị lấn chiếm, bỏ trống, khác, giấy chứng nhận QSD đất, quyết định giao đất, hợp đồng chuyển nhượng QSD đất, quyết định - hợp đồng cho thuê đất
2	Nhập số dư đầu kỳ cho 01 tài sản là nhà	18	Mã/tên đơn vị, Tên nhà, cấp hạng nhà, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, nguyên giá theo sổ sách kế toán, nguồn khác, thời gian sử dụng được sau kê khai, giá trị còn lại, số tầng, tổng diện tích sàn, hiện trạng sử dụng nhà sử dụng vào mục đích được giao trụ sở làm việc, hoạt động sự nghiệp, đã được phép SXKD, cho thuê, SXKD-DV sai phép, để ở, sử dụng khác.
3	Nhập số dư đầu kỳ cho 01 tài sản là nhà nhưng không phải nhập đất (nhà nằm trên đất do đơn vị khác quản lý và đã được đơn vị quản lý đứng ra kê khai)	26	- Tài sản là đất: Mã/tên đơn vị, tên trụ sở, loại tài sản, thuộc quốc gia, tỉnh/ thành phố, quận/ huyện, xã/ phường, số nhà, không tăng đất; - Tài sản là nhà: tên nhà, cấp nhà, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, nguyên giá theo sổ sách kế toán, nguồn khác, thời gian sử dụng được sau kê khai, giá trị còn lại, số tầng, tổng diện tích sàn, hiện trạng sử dụng nhà sử dụng vào mục đích được giao là trụ sở làm việc, hoạt động sự nghiệp, đã được

			phép SXKD, cho thuê, SXKD-DV sai phép, để ở, sử dụng khác.
4	Nhập số dư đầu kỳ cho 01 tài sản là ô tô	13	Mã/tên đơn vị, Loại xe, nhãn hiệu, biển kiểm soát, số chỗ ngồi, tải trọng, nước sản xuất, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng, nguyên giá, nguồn khác, thời gian sử dụng được sau kê khai, giá trị còn lại.
5	Nhập số dư đầu kỳ cho 01 tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản	14	Mã/tên đơn vị, Loại tài sản, ký hiệu, tên tài sản, nước sản xuất, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng, thông số kỹ thuật, mô tả chung, nguyên giá theo sổ kế toán, nguồn khác, thời gian sử dụng được sau kê khai, giá trị còn lại, hiện trạng sử dụng.
c) Nhập tăng giảm hàng năm			
- Biến động tăng mới			
1	Nhập tăng mới trụ sở làm việc (gồm cả đất và nhà)	42	- Nhập tài sản là đất: Mã/tên đơn vị, Tên trụ sở, loại tài sản, thuộc quốc gia, tỉnh/thành phố, quận/huyện, xã/phường, đường/phố, lý do tăng đất, ngày tiếp nhận, diện tích khuôn viên, giá trị, hiện trạng sử dụng làm trụ sở làm việc, cơ sở HDSN, làm nhà ở, cho thuê, bị lấn chiếm, bỏ trống, khác, giấy CNQSD đất, quyết định giao đất, HĐ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyết định cho thuê (23 chỉ tiêu) - Nhập tài sản là nhà: Tên nhà, cấp hạng nhà, lý do tăng nhà, ngày tiếp nhận, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, nguyên giá theo sổ sách kế toán, nguồn khác, tỷ lệ hao mòn, giá trị còn lại, số tầng, tổng diện tích sàn, hiện trạng sử dụng nhà sử dụng vào mục đích được giao trụ sở làm việc, hoạt động sự nghiệp, đã được phép SXKD, cho thuê, SXKD-DV sai phép, để ở, sử dụng khác (19 chỉ tiêu).
2	Nhập tăng mới tài sản là đất	23	Đếm tương tự các trường thông tin như trên
3	Nhập tăng mới tài sản nhà (trên khuôn viên đất đã kê khai trong CSDL)	21	Đếm tương tự các trường thông tin như trên
4	Nhập tăng mới tài sản là xe ô tô	15	Đếm tương tự các trường thông tin như trên
5	Nhập tăng mới tài sản	16	Đếm tương tự các trường thông tin như

	khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản		trên
- Biến động tăng nguyên giá			
1	Nhập tăng nguyên giá cho 01 khuôn viên đất.	12	Mã/tên đơn vị, Ngày tăng, lý do tăng, diện tích đất tăng thêm, giá trị đất tăng thêm, làm trụ sở làm việc, cơ sở HDSN, làm nhà ở, trồng, cho thuê, bị lấn chiếm, khác
2	Nhập tăng nguyên giá nhà cho 01 ngôi nhà	15	Đếm tương tự các trường thông tin như trên
3	Nhập tăng nguyên giá ô tô cho 01 xe ô tô	06	Đếm tương tự các trường thông tin như trên
4	Nhập tăng nguyên giá cho 01 tài sản khác.	06	Đếm tương tự các trường thông tin như trên
- Biến động giảm nguyên giá			
1	Nhập giảm giá đất cho 01 khuôn viên đất	04	Mã/tên đơn vị, Ngày giảm, Lý do giảm, Giá trị đất giảm
2	Nhập giảm giá đất do giảm diện tích đất	12	Đếm tương tự các trường thông tin như trên
3	Nhập giảm nguyên giá nhà do đánh giá lại nguyên giá	06	Đếm tương tự các trường thông tin như trên
4	Nhập giảm nguyên giá nhà do Cải tạo, thu hẹp diện tích	15	Đếm tương tự các trường thông tin như trên
5	Nhập giảm nguyên giá ô tô cho 1 xe ô tô	06	Đếm tương tự các trường thông tin như trên
6	Nhập giảm nguyên giá tài sản khác	06	Đếm tương tự các trường thông tin như trên
- Biến động thay đổi hiện trạng sử dụng			
1	Nhập thay đổi hiện trạng đất cho 01 khuôn viên đất	19	Mã/tên đơn vị, Tên trụ sở, ngày thay đổi, thuộc quốc gia, tỉnh/ thành phố, quận/ huyện, xã/ phường, số nhà, hiện trạng làm trụ sở làm việc, cơ sở HDSN, làm nhà ở, cho thuê, bị lấn chiếm, bỏ trống, khác, giấy chứng nhận QSD đất, quyết định giao đất, hợp đồng nhượng QSD đất, quyết định - hợp đồng cho thuê đất
2	Nhập thay đổi hiện trạng nhà cho 01 ngôi nhà	12	Đếm tương tự các trường thông tin như trên
3	Nhập thay đổi hiện trạng ô tô cho 01 xe ô tô	05	Đếm tương tự các trường thông tin như trên
4	Nhập thay đổi hiện trạng tài sản khác cho	08	Đếm tương tự các trường thông tin như trên

	01 tài sản khác		
- Biên động giảm số lượng			
1	Nhập giảm số lượng đất cho 01 khuôn viên đất	04	Đếm tương tự các trường thông tin như trên
2	Nhập giảm số lượng nhà cho 1 ngôi nhà	06	Đếm tương tự các trường thông tin như trên
3	Nhập giảm số lượng ô tô, tài sản khác cho 01 tài sản	04	Đếm tương tự các trường thông tin như trên
- Duyệt và từ chối tài sản			
1	Duyệt đăng ký tài sản cho 1 tài sản	06	Mã/tên đơn vị, mã tài sản, tên tài sản, thời gian đăng ký, trạng thái tài sản, chọn chứng thư số
2	Từ chối tài sản để chuẩn hoá dữ liệu	07	Mã/tên đơn vị, mã tài sản, tên tài sản, thời gian đăng ký, trạng thái tài sản, chọn chứng thư số, nhập lý do từ chối tài sản